TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2019/DSPT
Ngày: 19 - 9 - 2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dần, ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk **tham gia phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ dân sự thụ lý số 133/2019/TLPT-DS ngày 17/7/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mua bán, gửi giữ tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo của bị đơn Bà Vũ Thị C.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2019/QĐ-PT ngày 29/8/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1965 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn**: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1967 - Có mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1962 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Bà Huỳnh Thị A trình bày**:

Do có quan hệ làm ăn mua bán với nhau nên Bà Vũ Thị C có vay Bà Huỳnh

Thị A nhiều lần; các lần vay cụ thể như sau:

Lần vay 1: Ngày 01/01/2017, bà C vay 128.245.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả là đến ngày 30/12/2017.

Lần vay 2: Ngày 31/5/2017, bà C vay 15.600.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả là đến ngày 30/12/2017.

Lần vay 3: Ngày 15/7/2017, bà C vay 19.450.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả là đến ngày 30/12/2017.

Ngoài ra, ngày 05/7/2018, bà C còn nợ tiền mua phân bón với số tiền là 23.515.000 đồng, lãi suất là 1,3%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2018.

Vì chỗ tin tưởng nên tôi và bà C chỉ lập giấy viết tay với nhau; bà C đã nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn thanh toán nhưng bà C vẫn không trả cho tôi bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào mà cố tình chây ì, trốn tránh dẫn đến xâm phạm đến quyền lợi của tôi. Việc bà C nợ tiền tôi chỉ liên quan giữa tôi và bà C không liên quan đến người nào khác.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Vũ Thị C phải trả cho tôi số tiền 247.457.195 đồng; trong đó nợ gốc là 186.810.000 đồng, nợ lãi 60.642.195 đồng; cụ thể khoản tiền lãi được tính như sau:

+ Lãi suất các lần vay 1, 2, 3 tính từ ngày vay đến ngày 30/12/2017 hai bên thỏa thuận là 26.680.000 đồng. Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/01/2019 là 163.300.000 đồng x 1,5%/tháng x 13 tháng = 31.843.500 đồng.

+ Lãi đối với khoản nợ phân bón là tính từ ngày nợ đến ngày 30/12/2017 hai bên thỏa thuận là 1.810.000 đồng; tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/01/2019 là 23.515.000 đồng x 1,3%/tháng x 12 tháng = 3.668.340 đồng.

Đối với khoản tiền 240 triệu đồng ông L là chồng tôi đã nhận của bà C không liên quan đến việc trả tiền nợ phân bón, mà là khoản tiền bà C vay số tiền 200 triệu đồng vào ngày 29/11/2016 cộng với tiền lãi 40 triệu đồng kể từ ngày vay đến ngày 10/2/2018 (lãi suất 1,5%/tháng).

Tôi thừa nhận có nhận gửi giữ từ Bà Vũ Thị C số lượng 5110,6 kg cà phê nhân xô, Bà Vũ Thị C có ứng trước 70 triệu đồng không nằm trong khoản tiền nợ phân bón mà tôi khởi kiện. Bà Vũ Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết đối trừ nghĩa vụ đối với số lượng cà phê đã gửi giữ là 5110.6 kg cà phê nhân xô thì tôi cũng đồng ý trả cho Bà Vũ Thị C.

Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bổ sung là đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà Huỳnh Thị A có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền 70 triệu đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày nhận tiền (ngày 28/11/2017) đối với khoản tiền 35 triệu đồng; ngày 29/12/2017 đối với khoản tiền 35 triệu đồng.

*** Bị đơn Bà Vũ Thị C trình bày**:

Giữa tôi và Bà Huỳnh Thị A có quan hệ quen biết nhau qua việc mua bán bón và chốt cà phê. Bà C thừa nhận, quá trình quen biết, tôi có nợ tiền và phân bón của bà A như lời bà A trình bày theo đơn khởi kiện là đúng. Cụ thể: Lần vay 1: Ngày 01/01/2017 tôi vay 128.245.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả là đến ngày 30/12/2017.

Lần vay 2: Ngày 31/5/2017 tôi vay 15.600.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả là đến ngày 30/12/2017.

Lần vay 3: Ngày 15/7/2017 tôi vay 19.450.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả là đến ngày 30/12/2017.

Tổng cộng tiền gốc là 163.295.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 05/7/2018 tôi còn nợ phân bón với số tiền là 23.515.000 đồng, lãi suất là 1,3%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/12/2018.

Tổng số nợ gốc tôi nợ bà A là 186.810.000 đồng.

Việc nợ trên chỉ liên quan giữa tôi và bà A, không liên quan đến người nào khác. Tuy nhiên, tôi đã trả được cho bà A tổng cộng là 240.000.000 đồng cả gốc và lãi vào ngày 10/02/2018 do ông Nguyễn Hồng L là chồng bà A nhận thay cho bà A tại nhà bà A và trước đây tôi có gửi tại nhà bà A số lượng 5110,6 kg cà phê nhân xô và có ứng trước của Bà Huỳnh Thị A số tiền 70 triệu đồng cụ thể: vào ngày 28/11/2017 với số tiền 35 triệu đồng và ngày 29/12/2017 với số tiền 35 triệu đồng; lãi suất theo thỏa thuận 1%/tháng. Tôi đồng ý trả số tiền này và lãi suất cho bà A. Bà Vũ Thị C thừa nhận chữ ký chữ viết trong giấy vay ngày 29/11/2016 là của Bà Vũ Thị C và có vay của bà A số tiền 200 triệu đồng, tuy nhiên khoản tiền nay Bà Vũ Thị C đã trả xong nợ cho bà A và bà A đã gạch sổ nên không có liên quan đến khoản tiền 240 triệu đồng bà C đã trả cho ông L. Về giấy trả tiền khoản nợ gốc 200 triệu đồng thì bà C không cung cấp được, vì khi trả xong nợ thì bà A gạch sổ chứ không viết giấy biên nhận tiền.

Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Huỳnh Thị A có nghĩa vụ trả lại cho tôi số lượng 5110,6 kg cà phê nhân xô, quy thành tiền, sau đó số tiền dư thì trả sau khi khấu trừ nghĩa vụ trả nợ của hai bên.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng L trình bày**: Tôi đồng ý với kiến vợ tôi Bà Huỳnh Thị A trình bày. Tôi không có ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, Điều 440, Điều 464, Điều 468, Điều 559 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị A.

1. Buộc Bà Vũ Thị C có nghĩa vụ phải trả cho Bà Huỳnh Thị A tổng số tiền là 335.530.000 đồng (*Ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 256.810.000 đồng *(Hai trăm năm mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng)* và nợ lãi là 78.720.000 đồng *(Bảy mươi tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)*

Áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tính lãi chậm trả trên khoản tiền nợ gốc trong giai đoạn thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Vũ Thị C.

Buộc Bà Huỳnh Thị A có nghĩa vụ trả cho Bà Vũ Thị C số lượng cà phê 5.110,6 kg (*Năm nghìn một trăm mười phẩy sáu ki lô gam*) cà phê nhân xô.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/6/2019 bị đơn Bà Vũ Thị C có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị A, khấu trừ số tiền nợ mà bà đã trả cho bà A là 240 triệu đồng, chỉ buộc bà phải trả cho bà A số tiền 256.810.000đ- 240.000.000đ = 16.810.000đ, đồng thời buộc bà A phải trả cho bà số lượng cà phê nhân xô là 5.110,6kg.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Bà Vũ Thị C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bị đơn Bà Vũ Thị C là không có căn cứ. Bởi lẽ, số tiền bà C trả cho bà A 240.000.000 đồng vào ngày 10/02/2018 là phù hợp với khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 29/11/2016 mà tính cả gốc và lãi từ khi vay đến khi trả tương đương số tiền trả 240.000.000 đồng; đối với giấy trả nợ 195.000.000 đồng bà C cung cấp trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm đã bị sửa chữa tháng năm cho nên không có căn cứ để chấp nhận, tại phiên tòa nguyên đơn bà A cung cấp 03 loại sổ gốc khác nhau chứng minh bà C nợ bà A và số tiền

195.000.000 đồng để trả cho khoản tiền khác chứ không phải khoản vay 200.000.000 đồng vào này 29/11/2019. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà A là có căn cứ. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn Bà Vũ Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo trình bày của các đương sự tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì các đương sự đều thừa nhận Bà Vũ Thị C có vay của Bà Huỳnh Thị A 03 lần vay trong năm 2017 với tổng số tiền gốc là 163.295.000 đồng với thỏa thuận lãi 1,5%/tháng. Đồng thời bà C cũng thừa nhận ngày 05/7/2018 bà C có xác nhận nợ 23.515.000đồng tiền mua phân bón hẹn trả lãi suất 1,3%/tháng. Tuy nhiên bà C trình bày đã trả hết các khoản nợ trên cho bà A vào ngày 10/02/2018 (ông L chồng bà A nhận) với số tiền 240.000.000 đồng. Bà A không thừa nhận mà cho rằng số tiền 240.000.000 đồng trả ngày 10/02/2018 là bà C trả cho khoản vay 200.000.000 đồng mà bà C vay ngày 29/11/2016 (Lãi suất 1,5%/tháng). Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bà C cung cấp 1 giấy biên nhận của ông L (chồng bà A) có nhận 195.000.000 đồng nhưng đã bị sửa chữa tháng năm và bà C cho rằng đây là khoản tiền trả cho khoản vay 200.000.000 đồng vay ngày 29/11/2016. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy lời trình bày của bà A cho rằng ngày 10/02/2018 bà C trả 240.000.000 đồng cho khoản vay 200.000.000 đồng ngày 29/11/2016 (lãi suất 1,5%/tháng) là phù hợp với tiền gốc, tiền lãi và thời gian tính lãi từ ngày 29/11/2016 đến ngày 10/02/2018, còn lời khai của bà C cho rằng trả 240.000.000 đồng ngày 10/02/2018 cho các khoản vay năm 2017 là không phù hợp. Bởi lẽ, năm 2017 với 03 lần vay thì tổng tiền gốc là 163.295.000 đồng cùng với tiền lãi thì tổng cộng (gốc + lãi) là 190.293.000 đồng mà trả 240.000.000 đồng là không phù hợp và đến nay vẫn còn nợ bà A 23.515.000 đồng tiền phân trong khi bà A đang giữ 5.110,6kg cà phê của bà C. Ngoài ra, bà C còn cung cấp giấy trả tiền 195.000.000 đồng mà bà cho rằng đây là trả cho khoản vay 200.000.000 đồng ngày 29/11/2016 nhưng đã bị sửa chữa tháng năm là không có căn cứ. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm bà A cung cấp sổ nợ gốc có ghi rõ ngày 21/9/2016 bà C trả cho bà A số tiền 195.000.000 đồng có chữ ký của bà C. Như vậy, khoản trả 195.000.000 đồng là bà C trả cho khoản vay khác trước ngày 21/9/2016 chứ không phải trả cho khoản vay 200.000.000 đồng ngày 29/11/2016.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy bà C cung cấp các chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ là hoàn toàn mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với sự thật khách quan nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Bà Vũ Thị C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị A để buộc bà C phải trả cho bà A số tiền 335.530.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, án sơ thẩm không áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tính thi hành án là thiếu sót cần chỉnh sửa cho phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên bị đơn Bà Vũ Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Bà Vũ Thị C - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị A.

[2.1] Buộc Bà Vũ Thị C có nghĩa vụ phải trả cho Bà Huỳnh Thị A tổng số tiền là 335.530.000 đồng (*Ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 256.810.000 đồng *(Hai trăm năm mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng)* và nợ lãi là 78.720.000 đồng *(Bảy mươi tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2019) cho đến khi thi hành án xong Bà Vũ Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận là: 1,5%/tháng đối với khoản tiền gốc 163.295.000đồng; 1,3%/tháng đối với khoản tiền gốc 23.515.000đồng; 1%/tháng đối với khoản tiền gốc 70.000.000đồng (tiền ứng cà phê).

[2.2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Vũ Thị C.

Buộc Bà Huỳnh Thị A có nghĩa vụ trả cho Bà Vũ Thị C số lượng cà phê 5.110,6 kg (*Năm nghìn một trăm mười phẩy sáu ki lô gam*) cà phê nhân xô.

[2.3] Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Vũ Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 16.776.500 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 3.053.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0010084, ngày 27/3/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Vũ Thị C còn phải nộp tiếp 13.723.500 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Bà Huỳnh Thị A phải chịu 8.151.407 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.186.429 đồng *(Sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0010040, ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk và số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0010079, ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Huỳnh Thị A còn phải nộp tiếp 215.000 đồng (*Hai trăm mười lăm nghìn đồng*) (lấy tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng bà C đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2017/0010179 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung